

LUẬT Sửa đổi một số Điều của Luật Doanh nghiệp tư nhân.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư kinh doanh và nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước đối với các hoạt động kinh doanh;

Căn cứ vào Điều 84 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Luật này sửa đổi một số Điều của Luật Doanh nghiệp tư nhân được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21 tháng 12 năm 1990.

Điều 1.- Sửa đổi một số Điều của Luật Doanh nghiệp tư nhân như sau:

1. Điều 10 được sửa đổi như sau:

"Điều 10

Ủy ban nhân dân nhận đơn phải cấp hoặc từ chối cấp giấy phép thành lập doanh nghiệp trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận đơn; nếu từ chối cấp giấy phép thì phải nói rõ lý do. Trong trường hợp người xin phép thành lập doanh nghiệp tư nhân thấy việc từ chối cấp giấy phép là không thỏa đáng, thì có quyền khiếu nại lên cơ quan Nhà nước cấp trên trực tiếp của Ủy ban nhân dân có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập doanh nghiệp."

2. Đoạn đầu Điều 11 được sửa đổi như sau:

"Trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập, chủ doanh nghiệp tư nhân phải đăng ký kinh doanh tại cơ quan kế hoạch cùng cấp Ủy ban nhân dân đã cấp giấy phép thành lập."

3. Đoạn cuối Điều 12 được sửa đổi như sau:

"Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cơ quan kế hoạch phải gửi bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh kèm theo hồ sơ của doanh nghiệp cho cơ quan thuế, tài chính, thống kê và các cơ quan quản lý ngành kinh tế, kỹ thuật cùng cấp".

4. Điểm 1 Điều 14 được sửa đổi như sau:

"1. Xin phép Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi đặt chi nhánh hoặc

văn phòng đại diện và đăng ký kinh doanh tại cơ quan kế hoạch cùng cấp Ủy ban nhân dân đã cho phép đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 8 và Điều 11 của Luật này;"

5. Điều 15 được sửa đổi như sau:

"Điều 15

Khi thay đổi mục tiêu, ngành, nghề kinh doanh, vốn đầu tư ban đầu và các nội dung khác trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân phải khai báo lại với cơ quan kế hoạch đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Đối với doanh nghiệp tư nhân được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp giấy phép thành lập, thì chủ doanh nghiệp còn phải đăng báo về những nội dung thay đổi."

6. Điều 17 được sửa đổi như sau:

"Điều 17

Doanh nghiệp tư nhân lâm vào tình trạng phá sản là doanh nghiệp gặp khó khăn hoặc bị thua lỗ trong hoạt động kinh doanh, sau khi đã áp dụng các biện pháp tài chính cần thiết mà vẫn mất khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Việc giải quyết phá sản doanh nghiệp tư nhân được thực hiện theo quy định của Luật Phá sản doanh nghiệp."

7. Điều 23 được sửa đổi như sau:

"Điều 23

Chủ doanh nghiệp tư nhân có quyền cho thuê toàn bộ doanh nghiệp của mình. Trước khi cho thuê, chủ doanh nghiệp phải báo cáo bằng văn bản với cơ quan kế hoạch đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trong thời hạn cho thuê, chủ doanh nghiệp tư nhân vẫn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật với tư cách là chủ sở hữu doanh nghiệp."

8. Đoạn cuối Điều 24 được sửa đổi như sau:

"Sau khi hoàn tất thủ tục bán hoặc sáp nhập doanh nghiệp vào một doanh nghiệp khác, chủ doanh nghiệp tư nhân phải khai báo với cơ quan kế hoạch đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh

doanh để xóa tên trong Sổ đăng ký kinh doanh và phải thông báo công khai.”

9. Các chữ “Hội đồng Bộ trưởng” được sửa đổi thành các chữ “Chính phủ”. Các chữ “Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng” được sửa đổi thành các chữ “Thủ tướng Chính phủ”.

Điều 2. - Luật này có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 7 năm 1994.

Những quy định trước đây trái với Luật này đều bãi bỏ.

Điều 3. - Chính phủ sửa đổi các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Doanh nghiệp tư nhân cho phù hợp với Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 22 tháng 6 năm 1994.

Chủ tịch Quốc hội
NÔNG ĐỨC MẠNH

LUẬT Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Nghĩa vụ quân sự.

Căn cứ vào các Điều 44, 46, 48, 77 và 84 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Luật này sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Nghĩa vụ quân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 30 tháng 12 năm 1981 và sửa đổi, bổ sung ngày 21 tháng 12 năm 1990.

Điều 1. - Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Nghĩa vụ quân sự như sau:

1. Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 10

Các cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội, nhà trường và gia đình, trong phạm vi chức năng của mình, có trách

nhiệm động viên, giáo dục và tạo điều kiện cho công dân làm tròn nghĩa vụ quân sự”.

2. Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 11

Địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, nhà trường, gia đình hoặc cá nhân có thành tích trong việc thi hành chế độ nghĩa vụ quân sự thì được khen thưởng theo quy định của Nhà nước.”

3. Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 17

Công dân nam giới, trước khi đến tuổi nhập ngũ và trước khi nhập ngũ, phải được huấn luyện theo chương trình quân sự phổ thông, bao gồm giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự, rèn luyện ý thức tổ chức, kỷ luật và rèn luyện thể lực.

Việc huấn luyện quân sự phổ thông cho học sinh ở các trường thuộc chương trình chính khóa; nội dung huấn luyện do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

Việc huấn luyện quân sự phổ thông cho thanh niên không học ở các trường do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, Thủ trưởng cơ quan Nhà nước tổ chức; nội dung huấn luyện do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng cùng với người đứng đầu các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội có liên quan chỉ đạo việc huấn luyện quân sự phổ thông.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong phạm vi chức năng của mình, chỉ đạo việc huấn luyện quân sự phổ thông cho thanh niên thuộc địa phương mình; các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội có trách nhiệm tạo điều kiện cho thanh niên làm việc ở cơ sở mình tham gia huấn luyện quân sự phổ thông.”

4. Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 19

Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có trách nhiệm tổ chức chuẩn bị